TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: **18** /2017/ HNGĐ - ST
Ngày 24 - 10 - 2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2- Ông Nguyễn Đức Dụng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX- ST, ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C,** sinh năm 1980. (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn: Chị Vi Thị S**, sinh năm 1981
Địa chỉ cư trú: Khu 6, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh kết hôn với chị Vi Thị S vào ngày 25/02/2005. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện S. Cưới xong anh và chị S ở với nhau tại thị trấn A, tình cảm vợ chồng ban dầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn được 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do tính cách sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bảo nhau không ai nghe ai, nên hay cãi chửi nhau nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay, từ khi vợ chồng ly thân anh đã về quê ở huyện T, tỉnh Bắc Giang sinh sống cùng bố mẹ, chị S ở với các con tại thị trấn A.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị S được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26/10/2005, cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/01/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng mẹ; nếu ly hôn anh xin nuôi dưỡng cháu lớn, chị S nuôi dưỡng cháu bé; về cấp dưỡng nuôi con anh không có yêu cầu.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Vi Thị S xác nhận một phần lời khai của anh Nguyễn Văn C trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, tại phiên tòa chị trình bầy: Chị kết hôn với anh C vào ngày 25/ 02/2005, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện S; cưới xong chị và anh C ở với nhau tại thị trấn A, tình cảm vợ chồng ban dầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn đến giữa năm 2012 thì xảy ra, do tính cách sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bảo nhau không ai nghe ai, nên hay cãi chửi nhau nhiều lần, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay; từ khi vợ chồng ly thân anh C về ở với bố mẹ đẻ tại huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26/10/2005, cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/01/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng chị, nếu ly hôn chị xin nuôi cả 2 cháu; về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh C cấp dưỡng theo quy định của pháp luật cho các cháu đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị S được ly hôn nhau theo quy định của pháp luật, chị S đồng ý ly hôn.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Vi Thị S.

[2] Về con chung: Giao cho chị Vi Thị S nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26/10/2005, cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/01/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng tiền nuôi con là 750.000đ (bẩy trăm, lăm mươi nghìn đồng chẵn) /1 tháng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017.

Anh C có quyền thăm con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này của anh C.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C, bị đơn chị Vi Thị S và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định: Anh Nguyễn Văn C kết hôn với chị Vi Thị S vào ngày 25 tháng 02 năm 2005 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang số 05, ngày 18/02/2005; cưới xong chị S và anh C ở riêng cùng nhau luôn, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; Hội đồng xét xử xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị S là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ giữa năm 2012, do tính cách sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bảo nhau không ai nghe ai, nên hay cãi chửi nhau nhiều lần, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay, Anh C đã về quê sinh sống. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh và chị S được ly hôn nhau, chị S trong quá trình giải quyết vụ án cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh C; tại phiên tòa chị S đồng ý ly hôn với anh C. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị S đã kéo dài trầm trọng, quá trình sống ly thân kéo dài nhiều năm không đoàn tụ được; tại phiên tòa chị S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C; do vậy cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Vi Thị S theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh C và chị S có 02 con chung là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26/10/2005, cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/01/2015; anh C có nguyện vọng nuôi cháu D và để chị S nuôi cháu T; chị S có nguyện vọng nuôi cả 2 con, cháu Nguyễn Tấn D có ý kiến xin ở với mẹ. Xét thấy anh C và chị S đều có nguyện vọng được nuôi con là chính đáng, nhưng từ ngày vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay các cháu vẫn đang ở cùng chị S nuôi dưỡng ổn định. Căn cứ vào điều kiện hiện nay của anh C và chị S cũng như nguyên vọng của cháu D thì cần tiếp tục giao cho chị S nuôi cả 2 con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật; anh C hiện nay làm nghề thợ mộc thu nhập không ổn định, mỗi tháng có thu nhập 3.000.000đ, anh C có ý kiến cấp dưỡng số tiền 1.500.000đ/tháng/ 2 cháu. Căn cứ vào nghề nghiệp, thu nhập của anh C, yêu cầu của chị S và quy định của pháp luật; xét thấy ý kiến của anh C đưa ra là phù hợp; do vậy chấp nhận anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng tiền nuôi con cho mỗi cháu là 750.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017.

[3] Về tài sản, công nợ: Anh C, chị S không yêu cầu giải quyết; vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh C có ý kiến xin chịu cả án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận ý kiến của anh C, ngoài ra anh C còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Vi Thị S.

[2] Về con chung: Giao cho chị Vi Thị S nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 26/10/2005, cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 13/01/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu Nguyễn Tấn D, cháu Nguyễn Nhật T là 750.000đ (bảy trăm, lăm mươi nghìn đồng chẵn) /1 cháu/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017.

Anh C có quyền thăm con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này của anh C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm (các bên không thỏa thuận được về lãi suất) tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/006823, ngày 14/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, nay được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND huyện Sơn Động;*
- *Chi cục THADS huyện Sơn Động;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND TT A.*
- *Lưu* **.**

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Văn Toàn